TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2023/HS-PT
Ngày: 16 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Minh Tuân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Nhài

Ông Nguyễn Ích Yên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Lý Đình Kiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm, thụ lý số 53/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 6 năm 2023, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu N đối với bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hữu N, tên gọi khác: Không có; sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Hữu Đ; Con bà: Lê Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2022 đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Sinh V – Luật sư văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt).

Bị hại: Anh Phùng Tiến D, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Hồng S, sinh năm 1990. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn N, thị xã S, thành phố Hà Nội.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1956. (có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Dương Công M, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố C, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Vũ Tiến T2, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố G, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Lý Văn N1, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Trú tại: Thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Anh Bùi Văn N2, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ A, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Hoài S1, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Trú tại: 720 CT7B Đô thị V, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

Anh Trần Minh Đ1, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố N, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 5 năm 2013 do nợ tiền của nhiều người và không có khả năng trả nợ, Nguyễn Hữu N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách thuê xe ô tô tự lái để bán lấy tiền trả nợ. Nguyễn Hữu N trao đổi với anh Dương Công M, sinh năm 1982, trú tại xóm C, xã H, thị xã P (nay là tổ dân phố C, phường H, thành phố P) về việc N có nhu cầu thuê xe ô tô để sử dụng và nhờ anh M tìm thuê hộ. Anh M biết nhà anh Phùng Tiến D trú tại thôn M, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (làm việc tại Bệnh viên C tỉnh T) có 01 xe ô tô nhãn hiệu Matiz, màu sơn xanh, BKS: 29X – 2760 cho thuê. Buổi chiều ngày 04/5/2013, N cùng anh M đến gặp anh Phùng Tiến D để N thuê xe.

Khi N, M đến phòng làm việc của anh D tại Bệnh viện C tỉnh T, do D và N đều làm cùng bệnh viện nên N đã trực tiếp thỏa thuận thuê xe ô tô của anh D. Để anh D tin tưởng giao xe, N lấy lý do đang cần xe ô tô phục vụ công việc riêng nên muốn thuê chiếc xe ô tô của anh D vài ngày. Anh Dũng tin tưởng N làm cùng bệnh viện nên đồng ý cho N thuê xe của anh D với giá 500.000đồng/01 ngày, N viết "Giấy mượn xe" đưa cho anh D giữ, nội dung giấy thể hiện việc N mượn chiếc xe ô tô nhãn hiệu Matiz, màu sơn xanh, BKS: 29X – 2760 của anh D và hẹn đến ngày 10/5/2013 sẽ trả lại xe ô tô cho anh D. Nguyên trả trước cho anh D 04 triệu đồng tiền thuê xe. Anh D1 giao cho N xe ô tô BKS: 29X – 2760 cùng các giấy tờ, gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe, đăng kiểm xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Sau khi nhận được xe, N thuê anh M lái chiếc xe ô tô của anh D1 đến nhà anh Lý Văn N1, sinh năm 1982, trú tại thôn M, xã N, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. N không nói cho anh M biết mục đích để N cầm cố chiếc xe lấy tiền. M rủ thêm anh Nguyễn Văn Đ2 trú tại phường C, thị xã S (nay là thành phố S) đi cùng. Khi đến nơi anh M và anh Đ2 ở lại trong xe ô tô, một mình N đi vào nhà anh N1 trao đổi việc cầm cố xe ô tô của anh D1 nhưng anh N1 không nhận cầm cố. Anh N1 giới thiệu để N bán chiếc xe trên cho anh Bùi Văn N2, sinh năm 1976, trú tại tổ A, phường Đ, thành phố Hà Nội và anh Nguyễn Hoài S1, sinh năm 1981, trú tại Khu đô thị V, quận H, thành phố Hà Nội với giá 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Sau khi nhận đủ tiền, N giao chiếc xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ xe của anh D1 cho anh Bùi Văn N2, N sử dụng số tiền trên để thanh toán tiền thuê anh M lái xe, trả nợ và tiêu xài cá nhân hết rồi bỏ đi khỏi địa phương.

Sau khi mua được xe ô tô nhãn hiệu Matiz, màu sơn xanh, BKS: 29X – 2760 anh Nguyễn Hoài S1 đến phòng Cảnh sát giao thông làm thủ tục chuyển quyền sở hữu sang tên mình với biển số mới là 29A-890.45. Đến khoảng tháng 8 năm 2013 S1 bán chiếc xe ô tô cho Nguyễn Quang Tâm địa chỉ Xuân M1, C, Hà Nội với giá 100.000.000đ. Ngày 02 tháng 8 năm 2013 Nguyễn Quang T3 đã bán chiếc xe ô tô cho Lê Hồng S địa chỉ thôn N, xã X, thị xã S, Hà Nội với giá 155.000.000đ. Sau khi anh S mua xe ô tô trên và được thông báo xe ô tô không đủ điều kiện kiểm định không sử dụng được nên có để xe ở bãi đất gần nhà đến nay không xác định được ai đã đem chiếc xe đi đâu, làm gì.

Sau khi hết hạn thuê xe theo hợp đồng anh D1 nhiều lần liên lạc và đến gặp gia đình N để đòi xe nhưng N đã xin nghỉ việc tại Bệnh viện C tỉnh T và bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 04 tháng 11 năm 2022 Nguyên bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Sông Công bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam.

Tại bản Kết luận số 37/HĐĐGTS ngày 03/6/2014 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S xác định: 01 xe ô tô nhãn hiệu Dae woo Matiz sản xuất năm 2009 BKS 29A – 890.45 có giá 50.000.000đồng.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Hữu N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đến ngày 04 tháng 11 năm 2022, Nguyễn Hữu N phản cung khai báo việc bị hại và bị cáo có thỏa thuận anh D1 đồng ý cho bị cáo mang xe ô tô của anh D1 đi cầm cố lấy tiền để bị cáo sử dụng chi tiêu trả nợ cá nhân.

Vật chứng của vụ án: 01 xe ô tô nhãn hiệu Dae woo Matiz BKS 29A – 890.45 không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo Nguyễn Hữu N đã bồi thường cho anh Phùng Tiến D số tiền 150.000.000 đồng; anh D không yêu cầu bị cáo N phải trả lại chiếc xe ô tô và không có yêu cầu nào khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 11/5/2023, Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 15/5/2023 bị cáo Nguyễn Hữu N kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự trị an ở địa phương, gây bức xúc trong dư luận. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào lời khai ban đầu của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra. Tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, khi quyết định hình phạt, tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự của bị cáo, mức án đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, đúng người, đúng tội, không oan. Tại cấp phúc thẩm mặc dù bị cáo vẫn không nhận tội nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh mình không phạm tội nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo tranh luận: Không nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát vì những lý do sau:

Thứ nhất, thời điểm thuê xe của anh D bị cáo chưa có giấy phép lái xe, cần phải có người lái thuê. Nếu có nhu cầu thì bị cáo thuê người lái luôn có phải hơn là thuê xe mất 500.000 đồng/ ngày ?;

Thứ hai, anh M quen với anh D, nếu anh D không đồng ý cho bị cáo mang xe đi cầm cố thì bị cáo sẽ không thuê anh M lái thuê vì anh M sẽ nói với D;

Thứ ba, anh D không phải là bác sỹ bệnh viện C mà chỉ là nhân viên hợp đồng trông coi phòng rác thải. Lời khai của anh D về vị trí công việc đã không đúng thì liệu những lời khai khác có đúng không?

Thứ tư, anh D thừa nhận đồng ý cho bị cáo mang xe đi cầm cố nhưng sau đó lại thay đổi lời khai là không được đọc văn bản do chính anh D ký, bị cáo không nhất trí;

Thứ năm, tại bản kết luận định giá tài sản ngày 03/6/2014 sai màu xe và năm sản xuất, Biển kiểm soát, thành phần Hội đồng định giá không ai có hiểu biết về xe ô tô, do đó bị cáo không đồng ý với kết luận định giá chiếc xe là 50.000.000 đồng. Bị cáo cho rằng mình bị oan, không phạm tội như đại diện Viện kiểm sát kết luận.

Người bào chữa có quan điểm:

Thứ nhất: Về định giá, không có quyết định thành lập hội đồng định giá của Chủ tịch thị xã S tại thời điểm định giá. Yêu cầu định giá một xe ô tô mà hội đồng định giá không có chuyên môn, không có hiểu biết về ô tô. Hội đồng định giá kết luận xe có giá trị là 50.000.000 đồng là không có cơ sở. Tài liệu mà cơ quan điều tra cung cấp như lời khai của anh Nguyễn Hoài S1 và Bùi Văn N2 không khách quan, không liên quan đến việc định giá tài sản là ô tô 29X-2760. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã S trưng cầu định giá tài sản một xe ô tô BKS 29X-2760, mầu xanh, sản xuất năm 2005. Biên bản số 37/BB-ĐGTS ngày 03 tháng 6 năm 2014 hội đồng định giá kết luận xe ô tô có BKS 29A-890 45, mầu đen, sản xuất năm 2009. Vì vậy, biên bản định giá tài sản số 37 ngày 03/6/2014 không có giá trị pháp lý. Nên không có căn cứ để áp dụng nội dung và hình phạt tại điểm e, khoản 2, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999.

Thứ hai: Nguyễn Hữu N có hành vi gian dối với anh Phùng Tiến D, nhưng tài sản mà anh D chuyển giao cho N không bị chiếm đoạt. Xe ô tô BKS: 29X-2760 chủ sở hữu là anh Luyện Văn H1 không bị chiếm đoạt mà anh đã chuyển nhượng quyền sử dụng cho Nguyễn Hoài S1 hợp pháp. Vậy hành vi trái pháp luật của Nguyễn Hữu N không gây hậu quả cho chủ sở hữu xe ô tô 29X-2760 và chủ sở hữu Luyện Văn H1 không có đơn khởi kiện hành vi trái pháp luật của Nguyễn Hữu N. Không thể truy tố Nguyễn Hữu N phạm tội lừa đảo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Hủy bản án sơ thẩm, trả tự do cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi đối đáp với các ý kiến của bị cáo và Luật sư, giữ nguyên quan điểm.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo không bị oan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu N gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên toà bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo: Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 04/5/2013, tại Bệnh viện C tỉnh T địa chỉ tổ B, phường P, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Hữu N đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của anh Phùng Tiến D 01 xe ô tô nhãn hiệu Dae woo Matiz BKS: 29X – 2760 (BKS mới 29A – 890.45) có giá trị là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Tại phiên toà bị cáo cho rằng bị hại là anh Phùng Tiến D đồng ý cho bị cáo mượn xe để mang đi thế chấp, cầm cố lấy tiền trả nợ cho bị cáo là không có cơ sở, không phù hợp với thực tế, chỉ nhằm mục đích trốn tránh trách nhiệm hình sự.

Với hành vi trên, bị cáo bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2023/HSST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2022.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu N 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP Sông Công;
- TAND TP Sông Công;
- Công an TP Sông Công;
- THADS TP Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Tuân